

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC TRỌNG
TỈNH LÂM ĐỒNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 79/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 26-7-2024.
V/v “Tranh chấp ly hôn”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC TRỌNG, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Lưu Văn Lợi

- Ông Nguyễn Đình Phi

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Lan Anh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Trần Hải Yến – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 245/2024/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 125/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 98/2024/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2024 và Thông báo về việc mở phiên tòa số 103/TB-TA ngày 09 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Lê Thị Y** sinh năm 1991; trú tại: Số 1, đường T, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

2. *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Văn T** sinh năm 1990; trú tại: Thôn T, xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 15/4/2024, bản tự khai và lời khai tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị Y trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Văn T kết hôn năm 2013, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 25/02/2013. Vợ chồng kết hôn tự nguyện, có thời gian tìm hiểu 01 năm, có tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán, sau khi cưới vợ chồng cùng chung sống tại thôn T, xã L, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2020 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông T ham chơi, không lo làm ăn, không quan tâm, không có trách nhiệm đối với gia đình dẫn đến vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Vợ chồng không chung sống với nhau từ năm 2023 đến nay mỗi người sống một nơi, tự lo cuộc sống riêng, không có sự quan tâm và trách nhiệm đối với nhau; trong thời gian này ông T không thăm nom, chăm sóc con và không đóng góp cùng bà nuôi dưỡng con. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng không có khả năng hòa giải đoàn tụ nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông T.

- Về con chung: Bà và ông T có 02 con chung tên Nguyễn Lê Yến N, sinh ngày 31/5/2011 và Nguyễn Lê Bảo K, sinh ngày 24/10/2012 hiện nay đang ở với bà. Khi ly hôn, bà yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung cho đến ngày các con chung thành niên. Hiện nay bà làm công nhân, với thu nhập 8.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng/tháng.

- Về cấp dưỡng: Bà không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con do hiện nay ông T không có điều kiện cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng bà không có tài sản chung, không có nợ chung, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án làm việc và không giao nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ án.

Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng ông T vắng mặt không có lý do, vì vậy Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vắng mặt ông T và thông báo kết quả phiên họp cho ông T biết; do ông T vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Trọng:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán đã thực hiện việc tuân theo pháp luật đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử và thư ký tại phiên tòa thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nguyên đơn thực

hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn không đến tham gia phiên tòa là chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung vụ án:* Đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Y, xử cho bà Y với ông T ly hôn; giao bà Y nuôi 02 con chung Nguyễn Lê Yến N, sinh ngày 31/5/2011 và Nguyễn Lê Bảo K, sinh ngày 24/10/2012 cho đến ngày các con chung thành niên; ông T không phải cấp dưỡng nuôi các con chung; tài sản chung và nợ chung không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Đây là vụ án hôn nhân và gia đình về việc “*Tranh chấp ly hôn*” giữa nguyên đơn bà Lê Thị Y với bị đơn ông Nguyễn Văn T. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng.

Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt đến lần thứ hai dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nên căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp.

[2] Về nội dung:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Y và ông T kết hôn năm 2013, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; kết hôn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán; sau khi cưới vợ chồng chung sống tại thôn T, xã L, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng. Theo bà Y trình bày vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2020 phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn theo nguyên đơn trình bày do ông T ham chơi không lo làm ăn, không có trách nhiệm đối với gia đình dẫn đến vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm, cuộc sống chung không hòa hợp, vợ chồng chấm dứt cuộc sống chung từ năm 2023 đến nay không có sự quan tâm và trách nhiệm đối với nhau. Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà Y với ông T đã trầm trọng, ông T không có ý kiến gì đối với yêu cầu ly hôn của bà Y, ông không đến Tòa án làm việc và không tham gia phiên hòa giải thể hiện không có thiện chí hòa giải và hàn gắn mối quan hệ hôn nhân với bà Y; hiện nay vợ chồng chấm dứt cuộc sống chung, không còn sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau; mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của bà Y về việc ly hôn với ông T.

- *Về con chung*: Trong quá trình chung sống, ông bà có 02 con chung Nguyễn Lê Yến N, sinh ngày 31/5/2011 và Nguyễn Lê Bảo K, sinh ngày 24/10/2012 nên ông bà đều có trách nhiệm nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì nguyên đơn là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc các con chung đảm bảo điều kiện phát triển bình thường; điều kiện hiện nay của nguyên đơn có công việc với thu nhập ổn định 8.000.000 đồng đến 10.000.000đồng/tháng; các cháu có nguyện vọng được ở với mẹ còn ông T không thăm nom và không đóng góp nuôi dưỡng con. Để đảm bảo cho việc ổn định cuộc sống, phát triển bình thường về thể chất, tinh thần và phù hợp với nguyện vọng của các con chung cần giao 02 con chung cho bà Y trực tiếp nuôi dưỡng cho đến ngày thành niên là phù hợp.

- *Về cấp dưỡng*: Bà Y không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi các con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Bà Y với ông T không có tài sản chung, không có nợ chung không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Bà Y phải chịu 300.000 đồng án phí về yêu cầu ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 71, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 220, 227, 228, 264, 266, 267 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự 2008;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị Y, xử cho bà Lê Thị Y với ông Nguyễn Văn T ly hôn.

2. Về con chung: Giao 02 con chung Nguyễn Lê Yến N sinh ngày 31/5/2011 và Nguyễn Lê Bảo K sinh ngày 24/10/2012 cho bà Lê Thị Y trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến ngày các con chung thành niên. Ông Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi các con chung.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; yêu cầu cấp dưỡng được thực hiện theo quy định Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Buộc bà Lê Thị Y phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình, bà Y đã dự nộp 300.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003846 ngày 24/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng được chuyển thu.

4. Về quyền kháng cáo: Bà Lê Thị Y có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông Nguyễn Văn T vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
 - VKSND huyện Đức Trọng;
 - Chi cục THADS huyện Đức Trọng;
 - TAND tỉnh Lâm Đồng;
 - UBND xã L, huyện Đ,
- tỉnh Lâm Đồng (Số 18/2013, quyền số 01/2013);
- Lưu AV, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Hạnh